

## VAI TRÒ CỦA NI GIỚI ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO NHẬT BẢN

**Tóm tắt:** Trên cơ sở trình bày khái lược lịch sử Ni giới Phật giáo Nhật Bản, nội dung chính của bài viết này tập trung phân tích vai trò của Ni giới đối với Phật giáo Nhật Bản ở các phương diện như: truyền bá Phật pháp, xây dựng và phát triển hàng ngũ Ni giới, duy trì giới luật và lối sống tu hành nghiêm ngặt của Phật giáo. Với những đóng góp quý báu, Ni giới đã khẳng định được vị trí quan trọng đối với Phật giáo Nhật Bản trong lịch sử và hiện tại.

**Từ khóa:** Ni giới, truyền bá Phật pháp, Phật giáo Nhật Bản.

### 1. Đặt vấn đề

Phật giáo (Đại Thừa) được truyền vào Nhật Bản từ Trung Quốc và Triều Tiên. Ngày nay, Phật giáo là một tôn giáo lớn ở Nhật Bản với khoảng 90 triệu Phật tử và khoảng 250 ngàn Tăng ni. Mặc dù theo truyền thống Đại Thừa trong lịch sử phát triển tại Nhật Bản, Phật giáo cũng có không ít quy định khắt khe trong việc cho phép người phụ nữ được xuất gia và thụ giới để gia nhập hàng ngũ chức sắc. Tuy nhiên, trải qua những thăng trầm của lịch sử, hàng ngũ Ni giới Nhật Bản vẫn không ngừng được củng cố và phát triển, thể hiện vai trò quan trọng đối với việc xây dựng Tăng đoàn và phát triển Phật giáo Nhật Bản cho đến tận ngày nay.

### 2. Khái lược lịch sử Ni giới Phật giáo Nhật Bản

Tính đến năm 584, Phật giáo truyền vào Nhật Bản được khoảng 3 thập kỷ. Thời điểm này, do sự giao lưu văn hóa giữa Nhật Bản với Triều Tiên rất mạnh, nên một nữ tu sĩ Phật giáo người Triều Tiên tên là Zenshin-ni đến thuyết pháp tại Nhật Bản. Nhưng không có phụ nữ Nhật Bản nào xuất gia theo vị nữ tu sĩ này, vì trước đó, họ chưa bao giờ được thụ giới theo truyền thống Phật giáo. Tuy nhiên, Zenshin-ni vẫn được xem là vị nữ tu sĩ Phật giáo đầu tiên ở Nhật Bản.

Nhưng sau đó, việc thụ giới cho phụ nữ Nhật Bản theo Phật giáo đã bắt đầu có triển vọng. Sau Zenshin-ni ít lâu, hai phụ nữ khác tên là Zenzo-ni và Ezen-ni gia nhập Phật giáo. Tháng 3 năm 588, họ là những người Nhật Bản đầu tiên được ra nước ngoài nghiên cứu Phật giáo. Trở lại Nhật Bản sau khi đã thụ giới Tỷ Khiêu ni (Bhiksuni) vào tháng 3 năm 590, hai nữ tu sĩ này đã góp phần xây dựng

---

\*. ThS., Thích Đàm Thành, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam.

một ngôi chùa Phật giáo đầu tiên ở Nhật Bản có tên là Sakurai-ji thuộc trung tâm Yamato<sup>(1)</sup>.

Bước sang thời kỳ Trung đại, Phật giáo ở Nhật Bản có sự thay đổi đáng chú ý. Phong trào Phật giáo mới ở Nhật Bản đã cải tiến thực hành Phật giáo theo hướng đơn giản hơn. Phong trào này cũng tái xác định vai trò của phụ nữ trong Phật giáo. Cho nên, rất nhiều phụ nữ Nhật Bản đã gia nhập Phật giáo. Đến giai đoạn Nara (710-794), Ni giới Phật giáo đạt được vị trí tương đương với tầng giới Phật giáo ở Nhật Bản<sup>(2)</sup>.

Tuy nhiên, trong thời kỳ Heian (794-1185) sau đó, do tầng sĩ tham gia thực hiện các chức năng cộng đồng của Phật giáo nhà nước nhiều hơn, nên vai trò của Ni giới đã bị thu hẹp, thậm chí mất đi vị trí tổ chức các nghi lễ mang tính nhà nước. Vì thế, phụ nữ cũng mất đi cơ hội để được thụ giới Phật giáo một cách chính thức. Hơn nữa, xu hướng trục xuất nữ tu sĩ ra khỏi các Thiền phái như Thiên Thai Tông, Chân Ngôn Tông, đòi hỏi nữ tu sĩ phải được sự thụ giới chính thức qua việc thực hiện tu hành khổ hạnh ở những vùng núi hẻo lánh, đã dẫn đến việc biến mất dần phụ nữ khỏi hàng ngũ tu sĩ của các Thiền phái này.

Các tài liệu lịch sử vào giữa thời kỳ Heian đã ghi lại việc phụ nữ phản đối sự đối xử không công bằng như trên. Thậm chí, sau đó nhà nước Nhật Bản còn cho phép Thiên Thai Tông và Chân Ngôn Tông được quyền nghiêm cấm phụ nữ thụ giới theo Phật giáo. Mặc dù vậy, phụ nữ trong thời kỳ Heian cũng đã tự tìm cách thực hành Phật giáo theo cách riêng.

Đến thời kỳ Kamakura (1185-1333), việc phụ nữ được thụ giới theo Phật giáo đã chính thức bắt đầu trở lại dù còn rất hiếm. Mãi đến năm 1249 mới có 12 phụ nữ Nhật Bản được thụ giới chính thức theo Phật giáo<sup>(3)</sup>. Nhưng ở thời kỳ này, nữ cư sĩ lại phát triển về số lượng. Hầu hết các nơi, phụ nữ được xem là chủ thể cần được giải thoát bởi Phật giáo. Sang đến thời kỳ Tokugawa (1603-1867), do Nhật Bản theo chế độ quân sự, nên trong xã hội nói chung, Phật giáo nói riêng, người phụ nữ chịu nhiều áp bức.

Sự thống trị của tầng giới trong Phật giáo và chế độ quân phiệt thời kỳ Tokugawa đã tạo thành “đêm trước” cho cuộc đổi mới cách nhìn nhận đối với Ni giới Phật giáo Nhật Bản vào thế kỷ XX, đặc biệt là trong Thiền phái Tào Động (Soto). Cộng đồng Ni giới lớn nhất ở Nhật Bản hiện nay là tu viện Aichi Semmon Nisodo thuộc dòng thiền Tào Động. Tính đến năm 2004, ở Nhật Bản có khoảng 2.000 nữ tu sĩ tu tập trong 1.500 ngôi chùa, được đào tạo Phật pháp trong ba trung tâm thuộc Thiền phái Tào Động và một trung tâm thuộc Tịnh Độ Tông<sup>(4)</sup>.

### **3. Một số đóng góp của Ni giới đối với Phật giáo Nhật Bản**

#### *3.1. Truyền bá Phật pháp, xây dựng và phát triển hàng ngũ Ni giới*

Ni giới đã trở thành một yếu tố quan trọng của Phật giáo từ khi thành lập Tăng đoàn lúc Đức Phật còn tại thế (566-486 trước Công nguyên). Tuy nhiên, theo thời gian, mọi người thường chỉ chú ý tới đời sống tu hành của tăng sĩ mà ít chú ý tới Ni giới.

Như đã đề cập, ở Nhật Bản, sau khi được thụ giới, nữ tu sĩ Zhenzo-ni đã thu nạp được hai đệ tử nữ. Thậm chí, đến năm 588, Zhenzo-ni và hai đệ tử còn trở thành những nữ tu sĩ Nhật Bản đầu tiên được sang Trung Quốc để nghiên cứu Phật pháp, nhất là về giới luật Phật giáo (vinaya)<sup>(5)</sup>. Họ cũng là những người sáng lập ra ngôi chùa đầu tiên của Nhật Bản vào năm 590. Như vậy, có thể nói, những người phụ nữ xuất gia có đóng góp quan trọng đối với việc truyền bá và đặt nền móng cho Phật giáo thời kỳ đầu ở Nhật Bản.

Đến thời kỳ Trung đại ở Nhật Bản, tuy phải chịu nhiều quy định khắt khe, thậm chí “không công bằng” trong việc cho phép phụ nữ xuất gia, Ni giới vẫn có những hình thức tu hành riêng, tạo ra những đổi mới trong thực hành và tư tưởng Phật giáo. Trong đó, đáng chú ý là, Ni giới Nhật Bản đã sáng tạo ra phạm trú “Bosatsukai-ni” để truyền tải tư tưởng của Bồ tát Quan Thế Âm. Phạm trú này được dùng để chỉ những vị Ni giới của Bồ tát Quan Thế Âm. Dù không được phép thụ giới chính thức, họ vẫn tự nguyện sống như những nữ tu sĩ, tự xoổng tóc, khoác áo cà sa, thực hiện những giới luật khắt khe của Phật giáo. Những hành động của phụ nữ theo Phật giáo ở Nhật Bản được người dân đương thời trân trọng và đánh giá cao<sup>(6)</sup>.

Để củng cố và phát triển hàng ngũ nữ tu sĩ trong Tăng đoàn Phật giáo Nhật Bản, năm 1944, Ni giới Nhật Bản thiết lập Tổ chức Ni giới Thiên phái Tào Động Bảo vệ Tổ quốc (The Soto Sect Nuns' Organization for the Protection of the Country). Về sau, tổ chức này đổi thành Tổ chức Ni giới Thiên phái Tào Động (The Soto Sect Nuns' Organization) đặt trụ sở tại Tokyo. Tổ chức này đã góp phần thúc đẩy vai trò cũng như quá trình hội nhập xã hội của Ni giới Nhật Bản. Đến nửa cuối thế kỷ XX, khi được đối xử bình đẳng, Ni giới đã chính thức góp phần vào việc tổ chức Tăng đoàn, các thiên phái và hình thành hàng ngũ chức sắc Phật giáo trong một tổ chức Phật giáo mang tính quốc gia. Ni giới được đảm trách cương vị đứng đầu ở nhiều Thiên phái. Nhiều tạp chí khác nhau đã được xuất bản dành cho Ni giới. Một trong những tạp chí dành cho Ni giới nổi tiếng hàng đầu những năm 1960, xuất bản dưới dạng các bài thơ, với nội dung phản ánh về Phật pháp khẳng định, phụ nữ hoàn toàn có thể chứng quả như nam giới khi tu theo giáo lý Phật giáo, đó là Tạp chí Toko-ni<sup>(7)</sup>.

Không dừng lại ở đó, để tăng cường trình độ đào tạo Phật học ngang tầm với tăng sĩ, Ni giới Nhật Bản, nhất là Ni giới theo Thiên phái Tào Động, đã thành lập ba tự viện dành riêng cho nữ tu sĩ ở ba vùng khác nhau của Nhật Bản.

### 3.2. Dạy trì giới luật và lối sống tu hành nghiêm ngặt

Điều này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong bối cảnh văn hóa và xã hội hiện đại của Nhật Bản có thể làm lu mờ đời sống Phật giáo vốn được cho là thiêng liêng với những điều răn và giới luật đối với người tu sĩ. Tăng sĩ Nhật Bản hiện nay không còn tin vào đời sống tu trì nghiêm ngặt của Phật giáo. Nhiều tăng sĩ tập trung vào các hoạt động nghi lễ hơn là hành thiền. Đại bộ phận tăng sĩ cưới vợ<sup>(8)</sup>, biến tự viện thành nhà riêng, nơi họ có thể nuôi con cái, sản xuất và đảm bảo đời sống kinh tế cho gia đình. Thậm chí, một số tăng sĩ còn sống hưởng thụ, uống rượu và sử dụng các vật dụng sang trọng.

Trong khi đó, Ni giới Nhật Bản vẫn giữ lối tu trì truyền thống của Phật giáo, thể hiện rõ nhất qua lịch sinh hoạt hàng ngày. Mặc dù có những chỉnh sửa nhất định, nhưng những quy tắc sinh hoạt hàng ngày dành cho Ni giới Nhật Bản vẫn dựa trên tinh thần của Thiền sư Dogen từ thế kỷ thứ XIII. Theo đó, lịch sinh hoạt của Ni giới Nhật Bản hàng ngày bắt đầu từ 4 giờ sáng và kết thúc vào 9 giờ đêm, với các phần việc tiêu biểu như: thức dậy vào 4 giờ sáng, tọa thiền và tụng kinh sáng (4<sup>h</sup>15 - 6<sup>h</sup>15); ăn chay và dọn dẹp bữa sáng (7<sup>h</sup>30); từ 8<sup>h</sup> đến 12<sup>h</sup> là thời gian dành cho làm vườn, quét dọn, chuẩn bị các sự kiện, hoặc nghiên cứu, học tập; từ 15<sup>h</sup>00 đến 17<sup>h</sup>30 là thời gian dành cho việc uống trà, tụng kinh tối, lau dọn gian thờ, ăn tối; từ 18<sup>h</sup>00 đến 21<sup>h</sup>00 dành cho việc nghiên cứu, học tập trong phòng riêng và tọa thiền tối<sup>(9)</sup>.

Khi gia nhập Phật giáo, nữ tu sĩ sẽ được đào tạo để hình thành thói quen sinh hoạt như trên trong suốt 5 năm, (tăng sĩ chỉ đào tạo 2 năm). Việc thực hiện lịch sinh hoạt nghiêm ngặt sẽ góp phần hình thành và nâng cao chất lượng tu hành của Ni giới Phật giáo, tạo nên sự khác biệt với những thói quen thường nhật trong xã hội hiện đại của Nhật Bản. Thực hiện những phần việc mà không được phép sử dụng bất kỳ sự hỗ trợ nào từ các phương tiện hiện đại đòi hỏi các nữ tu sĩ Phật giáo Nhật Bản phải có một ý chí bền bỉ và thân thể khỏe mạnh.

Chương trình sinh hoạt như Thiền phái Tào Động đã tạo cơ sở để cho những nữ tu sĩ hoàn toàn có thể tự cung tự cấp theo lối sống truyền thống trong một ngôi chùa. Vì thế, người ta còn tìm thấy nhiều giá trị văn hóa truyền thống của phụ nữ Nhật Bản trong lối sống tu hành của Ni giới Phật giáo quốc gia này.

Mặc dù quy định của Thiền phái Tào Động cho phép Ni giới được kết hôn và đẻ tóc dài. Nhưng hầu hết nữ tu sĩ Thiền phái này vẫn tuân thủ lối tu hành nghiêm ngặt. Họ cho rằng, việc sống độc thân và cạo tóc là những cơ sở quan trọng để hình thành nên một người tu sĩ Phật giáo truyền thống. Có thể nói, chính Ni giới đã lưu giữ những truyền thống tốt đẹp của Phật giáo Nhật Bản<sup>(10)</sup>.

#### **4. Nhận xét**

Lịch sử Ni giới Phật giáo Nhật Bản đã chứng kiến việc những người phụ nữ đầu tiên được thụ giới từ thế kỷ VI, sự đối xử không công bằng với nữ tu sĩ, việc cải cách tổ chức và giáo dục Phật giáo trong thế kỷ XX do các nữ tu sĩ dẫn

đầu, v.v... Đây là những thành quả đáng kể của Ni giới đối với lịch sử Phật giáo Nhật Bản.

Ngày nay, khi xã hội và tôn giáo Nhật Bản, trong đó có Phật giáo, đang bị tác động mạnh mẽ bởi xu hướng thế tục hóa và chủ nghĩa duy vật chất, lối sống hưởng thụ và sự phai nhạt niềm tin tôn giáo, thì việc duy trì đời sống tu hành theo truyền thống của Ni giới, tiêu biểu là nữ tu sĩ Thiên phái Tào Động, đã trở thành sự định hướng quan trọng về tâm linh và đạo đức cho xã hội. Họ đã góp phần lưu giữ lối tu trì Phật giáo truyền thống cho đến tận ngày nay ở Nhật Bản; sẵn sàng sống trọn vẹn cho Phật pháp đích thực và xem mình như những “con gái của Đức Phật”./.

---

#### CHÚ THÍCH:

1. Xem: Karma Lekshe Tsomo (1999), *Buddhist women across cultures Realizations*, State University of New York Press: 106.
2. Xem: Toshie Kurihara, *A history of women in Japanese Buddhism: Nichiren's perspectives on the Enlightenment of women*, bản PDF: 94, <http://www.iop.or.jp/0313/kurihara.pdf>, truy cập ngày 19/7/2013.
3. Xem: <http://en.wikipedia.org/wiki/Nun#Japan>, truy cập ngày 15/7/2013.
4. Xem: <http://www.academicroom.com/topics/buddhist-women>, truy cập ngày 15/7/2013.
5. Xem: Paula K. R. Arai, “Soto zen nuns in modern Japan: Keeping and creating tradition”, *Nanzan Bulletin*, 14/1990: 39, bản PDF, <http://nirc.nanzan-u.ac.jp/nfile/1854>, truy cập ngày 19/7/2013.
6. Xem: Karma Lekshe Tsomo (1999), *Buddhist women across cultures Realizations*, sách đã dẫn: 107.
7. Xem: Karma Lekshe Tsomo (1999), *Buddhist women across cultures Realizations*, sách đã dẫn: 114.
8. Việc tu sĩ Phật giáo được phép cưới vợ ở Nhật Bản đã có tiền lệ lịch sử từ thời Shinran (117-1262). Nhưng đến những năm đầu của Cải cách Minh Trị (cuối thế kỷ XIX), tăng sĩ chính thức được phép lấy vợ để thiết lập hệ thống thừa kế.
9. Paula K. R. Arai, “Soto zen nuns in modern Japan: Keeping and creating tradition”, *Nanzan Bulletin*, 14/1990: 41, bản PDF, <http://nirc.nanzan-u.ac.jp/nfile/1854>, truy cập ngày 19/7/2013.
10. Xem Karma Lekshe Tsomo (1999), *Buddhist women across cultures Realizations*, sách đã dẫn: 117.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Paula K. R. Arai (1990), “Soto zen nuns in modern Japan: Keeping and creating tradition”, *Nanzan Bulletin*.
2. Toshie Kurihara, *A history of women in Japanese Buddhism: Nichiren's perspectives on the Enlightenment of women*.
3. Karma Lekshe Tsomo (1999), *Buddhist women across cultures Realizations*.

#### THE ROLE OF BUDDHIST NUNS TOWARDS JAPANESE BUDDHISM

*On the basis of presenting a short history of Japanese Buddhist nuns, this article focuses on analyzing the role of Buddhist nuns to Japanese Buddhism in following aspects: propagation of Dharma, building and development of Buddhist nuns, maintenance commandments and Buddhist life. With many valued contributions, Buddhist nuns can affirm their role towards Japanese Buddhism in history and at present.*

**Key words:** *Buddhist nuns, Propagation of Dharma, Japanese Buddhism*